

Đa dạng tài nguyên cây thuốc tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu,  
tỉnh Yên Bái

Phan Văn Dũng<sup>1\*</sup>, Trần Ngọc Thế<sup>1</sup>, Vũ Văn Trường<sup>1</sup>,  
Phùng Thị Tuyền<sup>1</sup>, Bùi Phương Anh<sup>1</sup>, Trần Hậu Thìn<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Lâm nghiệp

<sup>2</sup>Viện Nông nghiệp và Tài nguyên - Trường Đại học Vinh

Diversification of medical plant resources in Na Hau Nature Reserve,  
Yen Bai province

Phan Van Dung<sup>1</sup>, Tran Ngoc The<sup>1</sup>, Vu Van Truong<sup>1</sup>,  
Phung Thi Tuyen<sup>1</sup>, Bui Phuong Anh<sup>1</sup>, Tran Hau Thin<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Vietnam National University of Forestry

<sup>2</sup>Institute of Agriculture and Natural Resources - Vinh University

\*Corresponding author: dungpv@vnuf.edu.vn

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.13.3.2024.096-104>

**Thông tin chung:**

Ngày nhận bài: 12/04/2024

Ngày phản biện: 16/05/2024

Ngày quyết định đăng: 11/06/2024

**Từ khóa:**

Đa dạng cây thuốc, giá trị bảo tồn,  
giá trị kinh tế, Khu Bảo tồn thiên  
nhiên Nà Hẩu, phổ dạng sống.

**Keywords:**

Conservation values, economic  
values, life form spectrum,  
medicinal plant diversity, Na Hau  
Nature Reserve.

**TÓM TẮT**

Khu Bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu, tỉnh Yên Bái được thành lập theo Quyết định số 715/QĐ-UBND, với tổng diện tích 16.040,15 ha, nhằm bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, phát huy các giá trị đặc biệt về đa dạng sinh học. Mục tiêu nghiên cứu đánh giá đa dạng và tiềm năng cây thuốc tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu. Thời gian điều tra, thu thập số liệu từ năm 2022 đến 2023. Sử dụng phương pháp điều tra theo tuyến, phương pháp phỏng vấn người dân để tiến hành nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu nguồn tài nguyên cây thuốc tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu đã xác định được 529 loài, 383 chi, 145 họ thuộc 4 ngành thực vật bậc cao có mạch là Thông đất (Lycopodiophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Hạt trần (Pinophyta) và Mộc lan (Magnoliophyta). Trong đó, 31 loài có giá trị bảo tồn theo đánh giá của Sách Đỏ Việt Nam (2007), Nghị định 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019). Phổ dạng sống của cây thuốc ở Nà Hẩu là Ph = 7,75Mg + 9,64Me + 15,31Mi + 19,66Na + 14,93Lp + 5,67Hp + 2,84Ch + 3,95Ep.

**ABSTRACT**

Na Hau Nature Reserve, Yen Bai province was established under Decision No. 715/QĐ-UBND, with a total area of 16,040.15 hectares, to preserve and develop natural ecosystems, promoting their values especially on biodiversity. The research objective is to evaluate the diversity and potential of medicinal plants in Na Hau Nature Reserve. The investigation period is from 2022 to 2023. Use the route survey method and interview were applied to conduct the research. The results of research on medicinal plant resources in Na Hau Nature Reserve, Yen Bai province have identified 529 species, 383 genera and 145 families belonging to 4 phyla of higher vascular plants: Lycopodiophyta, Polypodiophyta, Pinophyta and Magnoliophyta. Of these, 31 species have conservation value according to the assessment of the Vietnam Red Book (2007), Decree 84/2021/ND-CP of the Vietnamese government and the Red List of Vietnamese medicinal plants (2019). The spectrum of life forms of medicinal plants in Na Hau Nature Reserve included: Ph = 7.75Mg + 9.64Me + 15.31Mi + 19.66Na + 14.93Lp + 5.67Hp + 2.84Ch + 3.95Ep.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Nà Hấu, nằm trên địa bàn các xã Nà Hấu, Đại Sơn, Mỏ Vàng, Phong Dụ Thượng của huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - cách trung tâm huyện Văn Yên 30 km. Khu BTTN Nà Hấu được thành lập theo Quyết định số 715/QĐ-UBND [1], với tổng diện tích 16.040,15 ha, nhằm bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, phát huy các giá trị đặc biệt về đa dạng sinh học mà trọng tâm là các loài thực vật, quý hiếm như Long cu ly, Gù hương, Pơ mu, Chò xanh, Lan kim tuyến... động vật có Báo hoa mai, Báo lửa, Khỉ vàng, Khỉ mặt đỏ, Gà lôi trắng, Gà so ngực gụ... Việc nghiên cứu về thực vật đặc biệt là thực vật làm thuốc ở Khu BTTN Nà Hấu, tỉnh Yên Bái mới chỉ dừng lại ở việc thống kê chung. Cho đến nay chưa được điều tra, nghiên cứu sâu về tình trạng, phân bố và giá trị sử dụng của các loài cây thuốc. Do vậy việc điều tra, đánh giá nguồn tài nguyên cây thuốc tại Khu BTTN Nà Hấu là hết sức cần thiết.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

*Điều tra theo tuyến điển hình:* Các tuyến điều tra phải đại diện cho các sinh cảnh của khu vực nghiên cứu. Cụ thể: trên mỗi sinh cảnh đại diện thiết lập trên các tuyến chính, các tuyến phụ, rồi tiến hành điều tra trên các tuyến.

*Thu mẫu, xử lý mẫu:* Tiến hành theo phương

pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [2].

*Xác định tên khoa học:* Sử dụng phương pháp hình thái so sánh và dựa vào các khóa định loại, các bản mô tả của Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000) [3], chỉnh lý tên khoa học và sắp xếp danh lục thực vật theo Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (2001) [4]; Nguyễn Tiến Bản (2003 - 2005) [5, 6], đánh giá dạng sống theo Raunkiaer (1934) [7].

Trong quá trình điều tra cộng đồng, sử dụng 2 phương pháp tiếp cận là RRA và PRA [8, 9].

Đánh giá mức độ đe dọa của các loài thực vật có giá trị làm thuốc theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [10]; Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) [11]; Nghị định 84/2021/NĐ-CP [12]. Bên cạnh đó, căn cứ vào tình hình khai thác và sử dụng cây thuốc tại địa phương để chỉ ra các loài có nguy cơ bị đe dọa trong khu vực nghiên cứu. Số liệu được xử lý bằng phần mềm M. Excel 2021.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc

Kết quả điều tra đã phát hiện và thống kê được tại Khu BTTN Nà Hấu, tỉnh Yên Bái đã ghi nhận có 529 loài cây thuốc mọc tự nhiên, thuộc 385 chi, 145 họ của 4 ngành thực vật có mạch (Bảng 1). Trong đó hầu hết tập trung vào ngành Mộc lan (505 loài, chiếm 95,46%).

**Bảng 1. Phân loại các bậc taxon của cây làm thuốc tại Khu BTTN Nà Hấu, tỉnh Yên Bái**

STT	Tên ngành		Loài		Chi		Họ	
	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Lycopodiophyta	Thông đất	4	0,76	3	0,78	2	1,38
2	Polypodiophyta	Dương xỉ	15	2,84	13	3,38	12	8,28
3	Pinophyta	Hạt trần	5	0,95	4	1,04	4	2,76
4	Magnoliophyta	Mộc lan	505	95,46	365	94,81	127	87,59
		- Lớp Ngọc lan ( <i>Magnoliopsida</i> )	426	80,53	311	80,78	105	72,41
		- Lớp Hành ( <i>Liliopsida</i> )	79	14,93	54	14,03	22	15,17
		<b>Tổng</b>	<b>529</b>	<b>100</b>	<b>385</b>	<b>100</b>	<b>145</b>	<b>100</b>

Bảng 1 cho thấy, ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có số loài nhiều nhất với 505 loài (chiếm 95,46%), thuộc 365 chi (chiếm 94,81%) và 127 họ (chiếm 87,59%). Sau ngành Mộc lan, ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) ghi nhận được 15 loài (chiếm 8,28%), ngành Hạt trần (Pinophyta) có 5 loài (chiếm 0,95%) và ngành Thông đất (Lycopodiophyta) ghi nhận 4 loài (chiếm 0,76%). Trong số 145 họ được ghi nhận số họ có từ 5 loài cây trở lên là 32 họ (chiếm 22,07%). Các họ chiếm nhiều loài cây có giá trị làm thuốc như: Fabaceae (32 loài), Euphorbiaceae (30 loài), Asteraceae (21 loài), Lamiaceae (17 loài), Rubiaceae (17 loài), Moraceae (14 loài), Malvaceae (10 loài), Melastomataceae (9 loài) và Verbenaceae (9 loài).

Kết quả phân tích thực vật làm thuốc thuộc

ngành Mộc lan (Magnoliophyta) cho thấy: Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 426 loài (chiếm 80,53% tổng số loài), 311 chi (chiếm 80,78% tổng số chi) và 105 họ (chiếm 72,41% số họ); Lớp Hành (Liliopsida) có số lượng thấp hơn với 79 loài (chiếm 14,93% tổng số loài), 54 chi (chiếm 14,03% số chi) và 22 họ (chiếm 15,17% số họ). Kết quả nghiên cứu cho thấy, ngành Mộc lan (Magnoliophyta) nói chung và lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) nói riêng đóng vai trò chủ đạo và đặc trưng của khu hệ thực vật vùng nhiệt đới.

*Sự đa dạng về phổ dạng sống:* Theo Raukiaer (1934) [7], hệ thực vật tại khu vực nghiên cứu được chia làm 13 kiểu dạng sống thuộc 6 nhóm dạng sống và được thể hiện ở Bảng 2.

**Bảng 2. Các kiểu dạng sống của cây thuốc tại Khu BTTN Nà Hẩu, tỉnh Yên Bái**

Ký hiệu	Dạng sống	Số lượng	Phổ dạng sống (%)
Ph	Chồi trên	386	72,97
Ch	Cây chồi sát mặt đất	15	2,84
Hm	Cây chồi nửa ẩn	15	2,84
Cr	Cây chồi ẩn có củ	47	8,88
Th	Cây một năm	47	8,88
Ep	Cây sống bám, bì sinh	19	3,59
<b>Tổng</b>		<b>529</b>	<b>100</b>

Trong số 529 loài đã xác định, nhóm cây chồi trên (Ph) chiếm ưu thế với tỷ lệ 72,97%, tiếp đến là nhóm cây chồi ẩn có củ (Cr) và cây một năm (Th) có tỉ lệ 8,88% tập trung chủ yếu vào các họ Zingiberaceae, Poaceae, Dioscoreaceae, Asteraceae, Opiliaceae...; nhóm cây sống bám, bì sinh (Ep): 3,59% các họ Polypodiaceae,

Balanoraceae, Gesneriaceae...; nhóm cây chồi sát mặt đất (Ch) và nhóm cây chồi nửa ẩn (Hm) cùng chiếm 2,84% chủ yếu vào họ Cucurbitaceae, Araceae, Zingiberaceae... Như vậy, nhóm cây chồi trên chiếm ưu thế. Từ kết quả thu được đã lập phổ dạng sống của các loài cây thuốc hệ thực vật như sau:

$$SB = 72,97Ph + 8,88Cr + 8,88Th + 3,59Ep + 2,84Ch + 2,86Hm$$

Kết quả phân tích nhóm chồi trên (Ph) được thể hiện ở Bảng 3.

**Bảng 3. Các nhóm dạng sống chính thuộc nhóm cây chồi trên của hệ thực vật tại Khu BTTN Nà Hấu, tỉnh Yên Bái**

Dạng sống	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ (%)
Cây gỗ rất lớn	Mg	41	7,75
Cây gỗ vừa	Me	51	9,64
Cây gỗ nhỏ	Mi	81	15,31
Cây bụi, hoặc gỗ nhỏ	Na	104	19,66
Cây leo, dây leo	Lp	79	14,93
Cây chồi trên thân thảo	Hp	30	5,67
Cây chồi sát mặt đất	Ch	15	2,84
Cây sống bám, bì sinh	Ep	19	3,59

Từ kết quả thu được đã lập phổ dạng sống cho nhóm cây chồi trên (Ph) như sau:

$$Ph = 7,75Mg + 9,64Me + 15,31Mi + 19,66Na + 14,93Lp + 5,67Hp + 2,84Ch + 3,59Ep.$$

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong nhóm cây chồi trên, nhóm cây bụi, hoặc gỗ nhỏ (Na) có 104 loài, chiếm tỷ lệ cao nhất với 19,66% số loài trong dạng sống Ph; chủ yếu là các loài thuộc các họ (Euphorbiaceae, Lamiaceae, Malvaceae, Solanaceae, Fagaceae, Melastomataceae...), tiếp theo là nhóm cây gỗ nhỏ (Mi) có 81 loài, chiếm tỷ lệ 15,31% số loài trong dạng sống Ph (thuộc các họ Rutaceae, Apocynaceae, Aquifoliaceae, Araliaceae...) nhóm cây chồi lùn (Lp) có 79 loài, chiếm 14,93%Ph (thuộc các họ, Rosaceae, Menispermaceae, Convolvulaceae, Annonaceae..), nhóm cây chồi lớn (Me) có 51 loài, chiếm 9,64%Ph (thuộc các họ Annonaceae, Euphorbiaceae, Moraceae, Caesalpiniaceae Alangiaceae), nhóm cây chồi rất lớn (Mg) có 41 loài, chiếm 7,75%Ph (thuộc các họ,

Dipterocarpaceae, Fagaceae...), nhóm cây chồi trên thân thảo (Hp) có 30 loài, chiếm 5,67%Ph. nhóm cây bì sinh (Ep) có 19 loài, chiếm 3,59%Ph và nhóm cây chồi trên thân thảo (Ch) có 15 loài, chiếm 5,67%Ph.

*Đa dạng về bộ phận sử dụng:* Kết quả điều tra cho thấy việc sử dụng các bộ phận của các loài thực vật làm thuốc rất phong phú, mỗi cây cho nhiều bộ phận sử dụng khác nhau và được chia như sau: Bộ phận thân cây (T): thân, cành, thân củ, thân rễ; Bộ phận vỏ (V): vỏ thân; Bộ phận quả (Qa): hạt và nội nhũ; Bộ phận lá (L): lá, chồi; Hoa (H): hoa; Cả cây (CC): thân, rễ, lá, vỏ, hoa, quả, hạt; Bộ phận rễ cây (R): rễ, củ; Bộ phận nhựa cây (Nh): nhựa thân, nhựa lá; Hạt (Ha): hạt, hạt non, hạt già. Kết quả được tổng hợp tại Bảng 4.

**Bảng 4. Sự đa dạng của các bộ phận cây được sử dụng tại Khu BTTN Nà Hấu, tỉnh Yên Bái**

STT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ (%) với số loài
1	Cả cây	169	31,95
2	Rễ	167	31,57
3	Lá	141	26,65
4	Vỏ	61	11,53
5	Thân	42	7,94
6	Quả, vỏ quả	40	7,56
7	Hạt	27	5,10
8	Hoa	16	3,02
9	Nhựa	6	1,13

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy, số loài sử dụng cả cây làm thuốc là nhiều nhất với 169 loài, chiếm tỷ lệ 31,95% trong tổng số loài thu được. Tiếp đến là các cây thuốc sử dụng bộ phận rễ để làm thuốc với số lượng 167 loài, chiếm 31,57%. Những cây thuốc sử dụng bộ phận lá làm thuốc với 141 loài, chiếm 26,65% so với tổng số loài, với việc sử dụng lá làm thuốc sẽ giúp cho cây thuốc được sử dụng lâu dài, không bị suy giảm và bảo vệ được cây thuốc. Số cây thuốc sử dụng vỏ làm thuốc là 61 loài, chiếm 11,53% trong tổng số loài thu được. Số cây thuốc sử dụng thân làm thuốc là 42 loài, chiếm 7,94% trong tổng số loài thu được. Số cây thuốc sử dụng quả, vỏ quả làm thuốc là 40 loài, chiếm 7,56% trong tổng số loài thu được. Số cây thuốc sử dụng hạt làm thuốc là 27 loài, chiếm 5,10% trong tổng số loài thu được. Số cây thuốc sử dụng hoa làm thuốc là 16 loài,

chiếm 3,02% trong tổng số loài thu được. Số cây thuốc sử dụng nhựa làm thuốc là 6 loài, chiếm 1,13% trong tổng số loài thu được. Việc sử dụng các bộ phận rễ và cả cây sẽ rất bất lợi trong việc bảo tồn các loài cây thuốc vì sẽ dẫn đến việc hủy hoại đời sống của các cây thuốc khi không còn rễ hoặc lấy tất cả các bộ phận của cây thuốc đó làm thuốc. Trong các bài thuốc của người dân địa phương, việc sử dụng cả cây và rễ là phổ biến, hầu hết là các bài thuốc để chữa các bệnh về xương khớp, phù thũng, chữa những bệnh nan y như bệnh gan, bệnh thận... Vì vậy, cần phải có biện pháp gây trồng các loài cây thuốc sử dụng cả cây hoặc rễ để chữa bệnh nhằm bảo tồn và phát triển bền vững nguồn dược liệu.

**3.2. Những cây thuốc có giá trị sử dụng và kinh tế cao**

**Bảng 5. Thành phần các loài cây thuốc có giá trị kinh tế ở Khu BTTN Nà Hẩu, tỉnh Yên Bái**

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật
1	Thạch xương bồ lá to	<i>Acorus gramineus</i> Soland.	Araceae
2	Thảo quả	<i>Amomum aromaticum</i> Roxb.	Zingiberaceae
3	Sa nhân	<i>Amomum villosum</i> Lour.	Zingiberaceae
4	Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus roxburghii</i> (Wall.) Lindl.	Orchidaceae
5	Lá khô tía	<i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf	Myrsinaceae
6	Xạ can	<i>Belamcanda chinensis</i> (L.) DC.	Iridaceae
7	Lông cu ly	<i>Cibotium barometz</i> (L.) J. Sm.	Dicksoniaceae
8	Quế	<i>Cinnamomum cassia</i> (L.) J.Presl	Lauraceae
9	Ý dĩ	<i>Coix lachryma-jobi</i> L.	Poaceae
10	Vàng đắng	<i>Cosciniium fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr.	Menispermaceae
11	Củ mài (Hoài sơn)	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burkill	Dioscoreaceae
12	Cốt toái bổ	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze ex Mett.) J. Sm.	Polypodiaceae
13	Đỗ trọng	<i>Eucommia ulmoides</i> Oliv.	Eucommiaceae
14	Hà thủ ô đỏ	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson	Polygonaceae
15	Hoàng đằng	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Menispermaceae
16	Thiên niên kiện	<i>Homalomena occulta</i> (Lour.) Schott	Araceae
17	Hồi	<i>Illicium verum</i> Hook.f.	Illiciaceae
18	Đậu ván trắng	<i>Lablab purpureus</i> (L.) Sweet	Fabaceae
19	Kim ngân	<i>Lonicera japonica</i> Thunb	Caprifoliacea

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật
20	Gấc	<i>Momordica cochinchinensis</i> (Lour.) Spreng.	Cucurbitaceae
21	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> F.C.How.	Rubiaceae
22	Dâu tằm	<i>Morus alba</i> L.	Moraceae
23	Hoàng bá nam (Núc nác)	<i>Oroxylum indicum</i> (L.) Kurz.	Bignoniaceae
24	Bảy lá một hoa	<i>Paris polyphylla</i> Sm.	Trilliaceae
25	Lạc tiên	<i>Passiflora foetida</i> L.	Passifloraceae
26	Diệp hạ châu đắng	<i>Phyllanthus amarus</i> Schumach. & Thonn.	Euphorbiaceae
27	Viễn chí lá nhỏ	<i>Polygala paniculata</i> L.	Polygalaceae
28	Tiểu biển đậu	<i>Polygala tatarinowii</i> Regel	Polygalaceae
29	Viễn chí ba sừng	<i>Polygala tricornis</i> Gagnep	Polygalaceae
30	Đinh lăng	<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms	Araliaceae
31	Ngũ gia bì chân chim	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Frodin	Araliaceae
32	Thổ phục linh	<i>Smilax glabra</i> Roxb.	Smilacaceae
33	Bách bộ	<i>Stemona tuherosa</i> Lour.	Stemonaceae
34	Hòe	<i>Styphnolobium japonicum</i> (L.) Schott, Syn.	Fabaceae
35	Câu đằng, móc câu	<i>Uncaria rhynchophylla</i> (Miq.) Miq. ex Havil.	Rubiaceae
36	Mạn kinh	<i>Vitex trifolia</i> L., (Syn. <i>V. rotundifolia</i> L.f.)	Verbenaceae
37	Ké đầu ngựa	<i>Xanthium strumarium</i> L.	Asteraceae

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy, 37 loài cây thuốc có giá trị kinh tế cao thuộc 34 chi và 27 họ của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó chỉ có 2 loài là cây Cầu tích và Cốt toái bổ ở hai họ của ngành Dương xỉ (Polypodiophyta); còn 35 loài thuộc 32 chi, 25 họ ở ngành Mộc lan (Magnoliophyta). Tuy nhiên, qua thực tế điều tra, về mức độ phân bố cũng như về tiềm năng khai thác của mỗi loài là khác nhau. Song cả 37 loài này đều là những nguồn gen cây thuốc quan trọng có giá trị kinh tế ở Khu BTTN Nà Hẩu, tỉnh Yên Bái.

### 3.3. Tình hình khai thác, sử dụng cây thuốc

Nằm trong vùng đệm của Khu BTTN Nà Hẩu, tỉnh Yên Bái có 4 xã: xã Nà Hẩu, Đại Sơn, Mỏ Vàng, Phong Dụ Thượng của huyện Văn Yên. Đời sống của người dân ở đây chủ yếu dựa vào trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng và một số hộ làm dịch vụ, buôn bán nhỏ. Bên cạnh nền kinh tế nông - lâm nghiệp, cộng đồng người ở địa

phương, nhất là ở xã Đại Sơn và xã Nà Hẩu, từ lâu đời vốn đã có nhiều kinh nghiệm, tri thức trong việc sử dụng các loài cây cỏ sẵn có để làm thuốc chữa bệnh. Về cách khai thác cây thuốc của đồng bào hiện nay, nhìn chung không theo hướng dẫn thu hái dược liệu. Một số loài dược liệu như: Lá khô tía, Giảo cổ lam, Lan kim tuyến, Ngải rơm, Bảy lá một hoa... khi khai thác người dân đã nhổ cả cây để lấy lá, thân và toàn bộ rễ để làm thuốc chữa đau dạ dày, bệnh thận, bệnh đường ruột...

### 2. Đa dạng các loài cây thuốc quý, hiếm cần được bảo tồn

Trong tổng số 529 loài cây thuốc được ghi nhận tại khu vực nghiên cứu, có 31 loài cây thuốc quý, hiếm, cần ưu tiên bảo tồn thuộc 27 chi của 22 họ, trong đó ngành Ngọc lan có 29 loài, 24 chi, 13 họ, ngành Thông có 1 loài 1 chi 1 họ và ngành Dương xỉ có 2 loài, 2 chi, 2 họ.

**Bảng 6. Những cây thuốc cần ưu tiên bảo tồn có tại Khu BTTN Nà Hẩu, tỉnh Yên Bái**

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Họ	Loài có giá trị bảo tồn		
				SĐVN, 2007	NĐ84/ 2021	DLĐCTVN 2019
1	<i>Altingia chinensis</i> (Champ. ex Benth.) Oliv. ex Han	Tô hạp trung hoa	Altingiaceae	EN		
2	<i>Rauwolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gác vòng	Apocynaceae	VU		VU
3	<i>Asarum balansae</i> Franch	Tế tần	Aristolochiaceae	EN	IIA	
4	<i>Asarum caudigerum</i> Hance	Thổ thể tần	Aristolochiaceae	VU	IIA	EN
5	<i>Balanophora laxiflora</i> Hemsl.	Dó đất hoa thưa	Balanophoraceae	EN		EN
6	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem.	Đinh	Bignoniaceae	VU	IIA	
7	<i>Cordia grandis</i> Roxb	Tâm mộc to	Boraginaceae	VU		
8	<i>Canarium tramdenum</i> Dai et Yakovl.	Trám đen	Burseraceae	VU		
9	<i>Chloranthus elatior</i> Benth.	Đỗ trọng tía	Celastraceae	EN		
10	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	Giảo cổ lam	Cucurbitaceae	EN		
11	<i>Fokienia hodginsii</i> (Dunn) Henry et Thorns	Pơ mu	Cupressaceae	EN	IIA	EN
12	<i>Cibotium barometz</i> (L.) J. Sm.	Lông cu ly	Dicksoniaceae		IIA	
13	<i>Sophora tonkinensis</i> Gagnep.	Hoa hòe bắc bộ	Fabaceae	VU		EN
14	<i>Curculigo orchioides</i> Gaertn.	Sâm cau tựa lan	Hypoxidaceae	EN		EN
15	<i>Cinnamomum glaucescens</i> (Nees) Drury	Re xanh phấn, re hương	Lauraceae		IIA	
16	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack) Meisn.	Gù hương	Lauraceae	CR	IIA	
17	<i>Paris polyphylla</i> Sm.	Bảy lá một hoa	Liliaceae	EN	IIA	CR
18	<i>Strychnos ignatii</i> Berg	Mã tiền lông	Loganiaceae	VU		
19	<i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss.	Lát hoa	Meliaceae	VU		
20	<i>Coscinium fenestratum</i> (Goetgh.) Colebr.	Vàng đắng	Menispermaceae	VU	IIA	
21	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Hoàng đằng	Menispermaceae		IIA	
22	<i>Stephania hernandiifolia</i> (Will.) Spreng	Cam thảo, dây mối	Menispermaceae		IIA	
23	<i>Stephania longa</i> Lour.	Lõi tiền	Menispermaceae		IIA	
24	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Củ bình vôi	Menispermaceae		IIA	
25	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard.	Lá khô tía	Myrsinaceae	VU		

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Họ	Loài có giá trị bảo tồn		
				SĐVN, 2007	NĐ84/ 2021	DLĐCTVN 2019
26	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Lan kim tuyến	Orchidaceae	EN	IA	EN
27	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Hara	Hà thủ ô	Polygonaceae	VU		EN
28	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze ex Mett.) J. Smith	Tắc kè đá	Polypodiaceae	EN	IIA	EN
29	<i>Canthium dicocum</i> (Gaertn.) Teysm. & Binn.	Xương cá	Rubiaceae	VU		
30	<i>Morinda officinalis</i> F. c. How	Ba kích	Rubiaceae	EN		EN
31	<i>Madhuca pasquieri</i> (Dub.) Lam	Sến mật	Sapotaceae	EN		

Ghi chú: Phân hạng theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP (NĐ84/2021): IIA - Các loài Thực vật rừng nguy cấp quý hiếm hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại. Theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) (SĐVN 2007): CR - (Critically Endangered) - Rất nguy cấp; EN (Endangered) - Nguy cấp; VU (Vulnerable) - Sẽ nguy cấp. Theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) (DLĐCTVN 2019): EN (Endangered) - Nguy cấp; VU (Vulnerable) - Sẽ nguy cấp.

Kết quả ở Bảng 6 cho thấy, trong 31 thực vật làm thuốc thuộc các loài nguy cấp, quý hiếm cần được bảo tồn, có 1 loài có tên trong Danh mục IA - Cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (Lan kim tuyến), 14 loài có tên trong Danh mục IIA - Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (Tắc kè đá, Củ bình vôi, Hoàng đằng, Vầu đắng, Bảy lá một hoa, Pơ mu...) của Nghị định số 84/2021/NĐ-CP [12];

Có 25 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007: trong đó cấp CR (*Rất nguy cấp*) có 01 loài (Gù hương); cấp EN (*Nguy cấp*) có 12 loài (Lan kim tuyến, Ba kích, Sến mật, Bảy lá một hoa, Pơ mu, Giảo cổ lam...); cấp VU (*Sẽ nguy cấp*) có 12 loài (Hà thủ ô, Lá khô tía, Vàng đắng, Hòa bắc bộ...)

Có 11 loài nằm trong Danh lục Đỏ cây thuốc, 2019; trong đó cấp CR (*Rất nguy cấp*) có 01 loài (Bảy lá một hoa) cấp EN (*Nguy cấp*) có 9 loài (Bảy lá một hoa, Ba kích, Tắc kè đá, Hòe bắc bộ, Thổ thể tâm...); cấp VU (*Sẽ nguy cấp*) có 1 loài (Ba gạc vòng).

#### 4. KẾT LUẬN

Thực vật có giá trị làm thuốc tại Khu BTTN Nà Hẩu, tỉnh Yên Bái bước đầu ghi nhận 529 loài cây thuốc, thuộc 385 chi, 145 họ, của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch. Phổ dạng sống cho thực vật làm thuốc tại đây SB = 72,97Ph + 8,88Cr + 8,88Th + 3,59Ep + 2,84Ch + 2,86Hm. Phổ dạng sống cho nhóm cây chồi trên (Ph) như sau: Ph = 7,75Mg + 9,64Me + 15,31Mi + 19,66Na + 14,93Lp + 5,67Hp + 2,84Ch + 3,95Ep.

Đã tổng hợp, đánh giá, phân tích được 9 bộ phận của cây thuốc được sử dụng. Trong đó, loài sử dụng cả cây nhiều nhất với 169 loài (chiếm 31,95%), bộ phận được sử dụng ít nhất là nhựa với 6 loài (chiếm 1,13%).

Các loài cây thuốc có giá trị kinh tế tại Khu BTTN Nà Hẩu gồm 37 loài thuộc 34 chi và 27 họ.

Trong 529 loài cây thuốc được ghi nhận có 31 loài cây thuốc quý, hiếm, cần ưu tiên bảo tồn thuộc 27 chi của 22 họ. Trong đó, có 25 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); 15 loài trong Nghị định số 84/2021/NĐ-CP; và 11 loài nằm



trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019).

### **Lời cảm ơn**

Nghiên cứu này được thực hiện dưới sự tài trợ của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (Trường Đại học Lâm nghiệp), và đề tài Khoa học và Công nghệ độc lập cấp quốc gia “Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc xây dựng chiến lược phát triển mạng lưới khu dự trữ sinh quyển thế giới được UNESCO công nhận tại Việt Nam (KDTSQ VN)” mã số ĐTĐL.CN-34/21.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái (2006). Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 9 tháng 10 năm 2006 về việc thành lập Khu Bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu, huyện Văn Yên.

[2]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3]. Phạm Hoàng Hộ (1999-2000). Cây cỏ Việt Nam, Quyển I, II, III. Nxb Trẻ.

[4]. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội (2001). Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Tập I. Nxb Nông nghiệp.

[5]. Nguyễn Tiến Bản chủ biên (2003). Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Tập II. Nxb Nông nghiệp.

[6]. Nguyễn Tiến Bản chủ biên (2005). Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Tập III. Nxb Nông nghiệp.

[7]. Raunkiaer, C. (1934). The Life Form of Plants and Statistical Plant Geography. Oxford: The Clarendon Press.

[8]. Nguyễn Bá Ngãi (1999). Phương pháp đánh giá nông thôn: Bài giảng chuyên đề Lâm nghiệp xã hội. Trường Đại học Lâm nghiệp.

[9]. Phạm Quang Vinh & Trịnh Hải Vân (2012). Bài giảng Đánh giá nông thôn. Trường Đại học Lâm nghiệp.

[10]. Nguyễn Tiến Bản, Trần Đình Lý, Nguyễn Tập, Vũ Văn Dũng, Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Văn Tiến & Nguyễn Khắc Khôi (2007). Sách Đỏ Việt Nam, Phần II. Thực vật. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.

[11]. Nguyễn Tập (2019). Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam. Tạp chí Dược liệu. 6: 319 – 328.

[12]. Chính phủ (2021). Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.